

Hệ tầng Minh Hoà ($T_2a\ mh$)

- Hệ tầng Minh Hoà: Nguyễn Ngọc Hoa và nnk. 1996 (Anisi); Vũ Khúc (in Vũ Khúc và nnk. 2000 (Anisi).
- Calcaire ?Permien: Fontaine H., 1968.
- Hệ tầng Hòn Nghệ (part.): Bùi Phú Mỹ, Vũ Khúc 1979 (T_2); Vũ Khúc, Bùi Phú Mỹ và nnk. 1990 (T_2).
- Đá vôi Hòn Nghệ: Vũ Khúc (in Tổng Duy Thanh và nnk. 1995 - Anisi).

Mặt cắt chuẩn (Holostratotyp): mặt cắt duy nhất của hệ tầng lộ ra ở bờ bắc Hòn Nghệ (tên hành chính là xã Minh Hòa, huyện Châu Thành), vịnh Thái Lan, tỉnh Kiên Giang ($x = 10^{\circ}02'$; $y = 104^{\circ}34'$). Tên hệ tầng đặt theo tên xã nói trên.

Đá vôi và đá phiến sét trên đảo Hòn Nghệ đã được Bùi Phú Mỹ, Vũ Khúc mô tả (1979) là hệ tầng Hòn Nghệ ($T_2\ hn$) gồm hai phần: 1) Phần dưới là các lớp đá vôi chứa Trùng lỗ tuổi Anisi (Trias giữa) kiểu Hoàng Mai gồm *Diplostromina astrofimbriata*, *D. cf. baoi* và *Endothyranella ex gr. hoangmaiensis* (xác định của Nguyễn Văn Liêm); 2) Phần trên là các lớp đá phiến sét chứa phức hệ Chân rìu *Daonella* - *Posidonia* tuổi Ladin.

Hệ tầng này chỉ có một mặt cắt duy nhất cắt qua khối đá vôi ở phần bắc của đảo, từ mép đảo theo phương tây nam đi về phía trong đảo, với thể nằm đơn nghiêng $220 \angle 40^{\circ}$. Mặt cắt gồm thuần đá vôi màu xám sáng, phân lớp dày đến dạng khối, dày xấp xỉ 200 m. Dưới kính hiển vi đá của hệ tầng Minh Hoà là đá vôi hạt mịn, vi hạt, chứa các di tích sinh vật, cấu tạo khối, kiến trúc vi hạt và hạt mịn; thành phần khoáng vật gồm calcit: 95-100%, dolomit: 3-5%, một ít vật chất hữu cơ và hydroxyt sắt.

Quan hệ địa tầng và tuổi.

Hoá thạch do nhóm Vũ Khúc, Đặng Trần Huyền và đồng nghiệp thu thập (in Trịnh Dánh và nnk. 1997) gồm San hô sáu tia (chưa xác định) và Trùng lỗ do Đoàn Nhật Trường xác định gồm *Endotella controversa*, *E. ex gr. bithynica*, *E. badouxi*, *Diplostromina astrofimbriata*, *D. sp.*, *Duostroma sp.*, *Pilaminella falsosfriedli*, *Malayspira fontainei* tuổi Anisi-Ladin. Với tài liệu hiện có, hệ tầng Minh Hoà được định tuổi là Anisi, có khả năng là Anisi muộn.

Hệ tầng Tây Hòn Nghệ ($T_2l\ tn$)

- Hệ tầng Tây Hòn Nghệ: Vũ Khúc (in Vũ Khúc và nnk. 2000).
- Série schistogréseuse: Fontaine H., 1964 (Permian và ?Trias).
- Hệ tầng Hòn Nghệ (part.): Bùi Phú Mỹ, Vũ Khúc 1979; Bùi Phú Mỹ, Nguyễn Xuân Bao 1979 (Ladin); Vũ Khúc, Bùi Phú Mỹ và nnk. 1990 (Ladin);
- Hệ tầng Hòn Nghệ: Nguyễn Ngọc Hoa và nnk. 1996 (Ladin); Vũ Khúc (in Tổng Duy Thanh và nnk. 1995 - Ladin).

Mặt cắt chuẩn (Holostratotyp): nằm ở bờ tây đảo Hòn Nghệ, vịnh Thái Lan, tỉnh Kiên Giang ($x = 10^{\circ}02'$; $y = 104^{\circ}34'$). Tên hệ tầng được đặt theo vị trí phía tây của hòn đảo nói trên.

Điều đó không phù hợp với quy chế gọi tên các phân vị địa tầng, do đó khối lượng trầm tích lục nguyên này đã được mô tả lại là hệ tầng Tây Hòn Nghệ (Vũ Khúc và nnk. 2000).

Hệ tầng Tây Hòn Nghệ tạo nên cấu trúc của một nếp lồi trên đảo Hòn Nghệ, cánh phía nam lộ ra đầy đủ hơn, có cấu trúc đơn nghiêng với độ dốc rất lớn ở phần nhân ($40-70^{\circ}$) và thoải dần ra phía ngoài ($20-30^{\circ}$), cánh phía bắc nằm thoải hơn và bị uốn nếp nhẹ hơn.

Mặt cắt chuẩn của hệ tầng có trật tự địa tầng từ dưới lên trên như sau:

1. Đá phiến sét màu xám, xám sẫm xen các lớp bột kết phân lớp mỏng đến trung bình (10-40 cm), chứa hoá thạch Chân rìu *Daonella* cf. *moussoni*, *Posidonia wengensis*
2. Bột kết xen kẽ đá phiến sét màu xám sẫm, xen ít lớp cát kết.
3. Cát kết hạt nhỏ đến vừa màu xám, phân lớp không đều (30-60 cm), xen một số lớp mỏng bột kết,
4. Đá phiến sét màu xám lục nhạt, lên phía trên có màu tím nhạt, nâu tím, dạng dải với các dải mỏng (0,5 cm), xen ít lớp bột kết,
Bề dày chung của mặt cắt khoảng 220 m.

Quan hệ địa tầng và tuổi. Hệ tầng Tây Hòn Nghê nằm chính hợp trên hệ tầng Minh Hoà (T_{2a} mh), còn ranh giới trên của hệ tầng không thể hiện rõ trên đảo Hòn Nghê. Tuổi Ladin của hệ tầng được xác định dựa vào hóa thạch đã thu thập được trong hệ tầng gồm *Daonella* cf. *moussoni*, *Posidonia wengensis* và vào quan hệ chính hợp với hệ tầng Minh Hòa tuổi Anisi nằm dưới.